

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
đã được soát xét

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-24
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-24

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000553 ngày 05 tháng 09 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 13/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 10 năm 2003 và Giấy phép điều chỉnh số 358/UBCK-GP ngày 19 tháng 10 năm 2010 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 24, Đường Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch	
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09/04/2011
Bà Trương Thị Kim Oanh	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 09/04/2011
Ông Vũ Xuân Thù	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 09/04/2011
Ông Đoàn Đức Luyện	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 09/04/2011
Ông Phạm Minh Đức	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 09/04/2011
Ông Phạm Thanh Bình	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 09/04/2011
Ông Vũ Quang Khánh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 09/04/2011
Ông Đoàn Văn Minh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 09/04/2011

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Dương Hiền	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05/05/2011
Ông Nguyễn Sơn Hải	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30/04/2011
Bà Nguyễn Thị Thanh	Giám đốc tài chính	
Ông Đinh Danh Vượng	Giám đốc nhân sự	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Vê	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09/04/2011
Bà Nguyễn Thị Luyện	Ủy viên	
Ông Phạm Đức Phiên	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 09/04/2011
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 09/04/2011
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 09/04/2011

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hải Phòng, ngày 14 tháng 07 năm 2011

TM. Ban Giám đốc
Quyền Tổng Giám đốc



[Signature]
Vũ Dương Hiền



**Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		245.203.527.115	274.531.864.121
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	33.808.440.607	65.225.752.993
111	1. Tiền		33.808.440.607	65.225.752.993
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	58.149.326.113	35.430.035.278
121	1. Đầu tư ngắn hạn		85.110.778.648	44.313.794.356
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(26.961.452.535)	(8.883.759.078)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		140.703.186.565	165.589.241.918
131	1. Phải thu của khách hàng		1.151.294.600	1.164.663.400
132	2. Trả trước cho người bán		846.626.328	1.479.004.355
138	5. Các khoản phải thu khác	6	138.705.265.637	162.945.574.163
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.542.573.830	8.286.833.932
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		494.994.278	367.088.918
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.424.262.689	1.482.088.402
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	133.723.107	133.723.107
154	4. Tài sản ngắn hạn khác		10.489.593.756	6.303.933.505
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		93.556.691.421	99.491.469.813
220	II. Tài sản cố định		19.438.533.962	20.851.862.131
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	10.195.033.214	10.895.992.891
222	- Nguyên giá		17.637.177.380	17.792.518.812
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(7.442.144.166)	(6.896.525.921)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	9.243.500.748	9.955.869.240
228	- Nguyên giá		12.456.691.080	12.456.691.080
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.213.190.332)	(2.500.821.840)
240	III. Bất động sản đầu tư	10	22.284.683.636	22.284.683.636
241	- Nguyên giá		22.284.683.636	22.284.683.636
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	45.448.333.470	51.422.051.070
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		29.426.933.470	35.400.651.070
258	4. Đầu tư dài hạn khác		16.021.400.000	16.021.400.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		6.385.140.353	4.932.872.976
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.621.007.778	678.226.391
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	13	4.764.132.575	4.254.646.585
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		338.760.218.536	374.023.333.934

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		3.156.357.474	20.251.465.475
310	I. Nợ ngắn hạn		2.912.509.435	20.002.032.859
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	15.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		25.344.500	977.536.866
313	3. Người mua trả tiền trước		209.300.000	239.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	166.654.621	589.752.862
315	5. Phải trả người lao động		724.589.559	877.422.910
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	299.501.324	1.764.922.325
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	20.325.000	20.325.000
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		1.461.682.935	508.961.400
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.111.496	24.111.496
330	II. Nợ dài hạn		243.848.039	249.432.616
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		21.789.298	27.414.298
359	10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		222.058.741	222.018.318
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		335.603.861.062	353.771.868.459
410	I. Vốn chủ sở hữu		335.603.861.062	353.771.868.459
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17	401.306.200.000	401.306.200.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		71.723.672.400	71.723.672.400
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		4.352.332.126	4.352.332.126
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(14.704.390.400)	(14.704.390.400)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		35.850.562.479	35.850.562.479
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		4.352.332.126	4.352.332.126
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(167.276.847.669)	(149.108.840.272)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		338.760.218.536	374.023.333.934

Ghi chú: Các khoản tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán tại ngày đầu kỳ và cuối kỳ không được trình bày trên Bảng cân đối kế toán.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
006	6. Chứng khoán lưu ký		925.938.720.000	877.346.490.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		777.857.300.000	730.257.230.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		31.459.180.000	8.711.450.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		744.213.610.000	719.441.220.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		2.184.510.000	2.104.560.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		128.092.410.000	131.111.410.000
013	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký		110.500.000	2.853.750.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		127.981.910.000	128.257.660.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		15.824.420.000	14.816.000.000
028	- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		-	679.000.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		15.824.420.000	14.137.000.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		4.164.590.000	1.161.850.000
038	- Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký		60.170.000	790.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		4.104.420.000	1.129.060.000
040	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài		-	32.000.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		25.907.340.000	24.991.010.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		22.766.140.000	21.841.810.000
052	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		3.162.220.000	3.165.420.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		19.603.920.000	18.676.390.000
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		3.139.200.000	3.139.200.000
058	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		3.139.200.000	3.139.200.000
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán		2.000.000	10.000.000
073	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		2.000.000	10.000.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		37.890.730.000	40.963.430.000

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 14 tháng 07 năm 2011

Quyền Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Phương Lan



Đặng Minh Hằng



Vũ Dương Hiền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu	18	17.876.611.972	34.476.204.654
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		7.978.390.487	14.583.998.481
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		5.760.120.614	16.939.339.891
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		102.318.182	213.750.689
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		5.139.315	7.122.894
01.8	Thu cho thuê sử dụng tài sản		-	2.727.273
01.9	Doanh thu khác		4.030.643.374	2.729.265.426
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		17.876.611.972	34.476.204.654
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	19	29.894.482.963	25.985.214.318
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(12.017.870.991)	8.490.990.336
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	6.161.872.769	7.984.101.834
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(18.179.743.760)	506.888.502
31	8. Thu nhập khác		11.736.363	18.181.818
32	9. Chi phí khác		-	142.980.732
40	10. Lợi nhuận khác		11.736.363	(124.798.914)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(18.168.007.397)	382.089.588
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(18.168.007.397)	382.089.588
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	(458)	13

Người lập

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Phương Lan



Đặng Minh Hằng



Lập, ngày 14 tháng 07 năm 2011

Quyền Tổng Giám đốc



Vũ Dương Hiền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(18.168.007.397)	382.089.588
02	Khấu hao tài sản cố định		1.589.650.212	2.240.922.287
03	Các khoản dự phòng		18.077.693.457	1.188.397.681
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.971.705.634)	(7.880.129.730)
06	Chi phí lãi vay		640.493.610	677.821.444
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(1.831.875.752)	(3.390.898.730)
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		20.099.155.708	(30.870.467.142)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		(34.823.266.692)	(28.936.970.649)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(2.120.108.001)	(3.736.068.925)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.070.686.747)	(979.586.462)
13	Tiền lãi vay đã trả		(640.493.610)	-
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		149.579.117	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(19.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(20.256.695.977)	(67.913.991.908)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(132.322.043)	(1.302.352.786)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		11.736.363	18.800.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.959.969.271	7.880.129.730
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.839.383.591	6.596.576.944
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		18.100.000.000	243.000.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(33.100.000.000)	(228.000.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(31.417.312.386)	(46.317.414.964)

110203
CÔNG
TACH NHIỆM
DỊCH VỤ
TÀI CHÍNH
VÀ KIỂM
TOÁN KIỂM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		65.225.752.993	70.798.809.661
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	4	33.808.440.607	24.481.394.697

Người lập



Nguyễn Thị Phương Lan

Kế toán trưởng



Đặng Minh Hằng



Lập, ngày 14 tháng 07 năm 2011

Quyền Tổng Giám đốc



Vũ Dương Hiền



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Thuyết minh	Đầu kỳ		Tăng		Giảm		Cuối kỳ	
	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	309.789.530.000	401.306.200.000	-	-	-	-	309.789.530.000	401.306.200.000
Thặng dư vốn cổ phần	163.240.342.400	71.723.672.400	-	-	-	-	163.240.342.400	71.723.672.400
Vốn khác của chủ sở hữu	4.352.332.126	4.352.332.126	-	-	-	-	4.352.332.126	4.352.332.126
Cổ phiếu quỹ	(15.022.390.400)	(14.704.390.400)	-	-	-	-	(15.022.390.400)	(14.704.390.400)
Quỹ đầu tư phát triển	35.850.562.479	35.850.562.479	-	-	-	-	35.850.562.479	35.850.562.479
Quỹ dự phòng tài chính	4.352.332.126	4.352.332.126	-	-	-	-	4.352.332.126	4.352.332.126
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(107.197.674.715)	(149.108.840.272)	382.089.588	-	-	-	(106.815.585.127)	(167.276.847.669)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	395.365.034.016	353.771.868.459	382.089.588	-	-	-	395.747.123.604	335.603.861.062

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Phương Lan

Đặng Minh Hằng

Vũ Dương Hiền



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

1 . THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000553 ngày 05 tháng 09 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 13/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 10 năm 2003 và Giấy phép điều chỉnh số 358/UBCK-GP ngày 19 tháng 10 năm 2010 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 24, Đường Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 401.306.200.000 VND (Bốn trăm lẻ một tỷ, ba trăm lẻ sáu triệu, hai trăm ngàn đồng).
Tương đương 40.130.620 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các Chi nhánh sau:

Tên Chi nhánh	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng tại Hà Nội	Số 4, Tôn Thất Tùng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 225, Bến Chương Dương, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.



Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	02 - 08 năm

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như tài sản cố định khác của Công ty.

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Chứng khoán mua bán theo hợp đồng mua/ bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Theo Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong thời hạn 10 năm, kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo. Công ty có thu nhập chịu thuế từ năm 2005, như vậy Công ty được miễn thuế năm 2005, năm 2006 và giảm 50% trong năm 2007, năm 2008, năm 2009.

CHÍNH VU
TÀI CHÍNH
VÀ K
HOÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ VND
Của Công ty Chứng khoán	4.755.230	115.351.580.000
- Cổ phiếu	4.755.230	115.351.580.000
Của người đầu tư	94.297.944	1.424.310.779.200
- Cổ phiếu	94.187.974	1.423.475.291.200
- Chứng khoán khác	109.970	835.488.000
	99.053.174	1.539.662.359.200

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền	33.808.440.607	65.225.752.993
- Tiền mặt tại quỹ	167.909.205	208.424.401
- Tiền gửi ngân hàng	33.549.982.872	64.901.311.060
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	90.548.530	116.017.532
	33.808.440.607	65.225.752.993

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chứng khoán thương mại	85.110.778.648	44.313.794.356
- Chứng khoán niêm yết	70.239.490.648	29.442.506.356
- Chứng khoán niêm yết (Upcom)	14.871.288.000	14.871.288.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(26.961.452.535)	(8.883.759.078)
	58.149.326.113	35.430.035.278

(*) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 30/06/2011 là khoản dự phòng cho toàn bộ số chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Cơ sở trích lập dự phòng giảm giá đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội là giá bình quân và đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày 30/06/2011.

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu về mua bán cổ phiếu kỳ hạn	19.545.100.000	19.609.100.000
Phải thu về sửa lỗi giao dịch	89.742.552	91.111.096
Phải thu khách hàng	3.745.908.572	2.601.013.142
Phải thu cán bộ nhân viên	960.000.000	960.000.000
Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	13.139.267.571	11.182.773.235
Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư	101.006.409.046	128.418.758.487
Phải thu khác	218.837.896	82.818.203
	138.705.265.637	162.945.574.163

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	133.723.107	133.723.107
	133.723.107	133.723.107

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	53.045.226	14.125.367.455	3.263.426.312	350.679.819	-	17.792.518.812
Số tăng trong kỳ	-	176.322.043	-	-	-	176.322.043
- Mua sắm mới	-	176.322.043	-	-	-	176.322.043
Số giảm trong kỳ	-	(260.296.475)	-	(71.367.000)	-	(331.663.475)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(260.296.475)	-	(71.367.000)	-	(331.663.475)
Số dư cuối kỳ	53.045.226	14.041.393.023	3.263.426.312	279.312.819	-	17.637.177.380
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	53.045.226	5.469.899.551	1.216.460.426	157.120.718	-	6.896.525.921
Số tăng trong kỳ	-	696.685.335	152.218.557	28.377.828	-	877.281.720
- Trích khấu hao	-	696.685.335	152.218.557	28.377.828	-	877.281.720
Số giảm trong kỳ	-	(260.296.475)	-	(71.367.000)	-	(331.663.475)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(260.296.475)	-	(71.367.000)	-	(331.663.475)
Số dư cuối kỳ	53.045.226	5.906.288.411	1.368.678.983	114.131.546	-	7.442.144.166
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Đầu kỳ	-	8.655.467.904	2.046.965.886	193.559.101	-	10.895.992.891
Cuối kỳ	-	8.135.104.612	1.894.747.329	165.181.273	-	10.195.033.214

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	2.095.274.540	10.361.416.540	12.456.691.080
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.095.274.540	10.361.416.540	12.456.691.080
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	304.018.100	2.196.803.740	2.500.821.840
Số tăng trong kỳ	144.342.726	568.025.766	712.368.492
- Trích khấu hao	144.342.726	568.025.766	712.368.492
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	448.360.826	2.764.829.506	3.213.190.332
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Đầu kỳ	1.791.256.440	8.164.612.800	9.955.869.240
Cuối kỳ	1.646.913.714	7.596.587.034	9.243.500.748

Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày 30/06/2011	Tài sản cố định và trang thiết bị		Tỷ lệ tài sản cố định và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chi tiêu	Giá trị (VND)	
	Nguyên giá	30.093.868.460	0,07
401.306.200.000	Khấu hao	(10.655.334.498)	
	Giá trị còn lại	19.438.533.962	0,05

10 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Giá trị bất động sản đầu tư là khoản tiền Công ty đã thanh toán cho hợp đồng mua lại khu đất tại số 10 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Hải Phòng, bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và móng nhà 15 tầng, giá trị thanh toán (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) đến thời điểm 30/06/2011 là 22.284.683.636 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán dài hạn	29.426.933.470	35.400.651.070
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	29.426.933.470	35.400.651.070
Đầu tư dài hạn khác	16.021.400.000	16.021.400.000
	45.448.333.470	51.422.051.070

Chi tiết đầu tư dài hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Góp vốn Công ty Cổ phần Giấy Hải Hà	5.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư chứng khoán dài hạn	11.021.400.000	11.021.400.000
	16.021.400.000	16.021.400.000

Do không có cơ sở xác định giá giao dịch tại ngày 30/06/2011, vì vậy Công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	1.621.007.778	678.226.391
	1.621.007.778	678.226.391

13 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	4.055.878.712	3.504.795.135
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	588.253.863	629.851.450
Số dư cuối kỳ	4.764.132.575	4.254.646.585

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	7.028.391	16.926.979
Thuế Thu nhập cá nhân	159.626.230	572.825.883
	166.654.621	589.752.862

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	102.874.002	44.041.005
Bảo hiểm xã hội	37.847.914	34.863.096
Bảo hiểm y tế	7.044.548	6.294.507
Bảo hiểm thất nghiệp	2.889.652	3.242.991
Phải trả cổ tức cho cổ đông	25.704.000	-
Phải trả về quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của khách hàng	-	439.590.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	123.141.208	1.236.890.726
	299.501.324	1.764.922.325

16 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	20.325.000	20.325.000
	20.325.000	20.325.000

17 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	401.306.200.000	309.789.530.000
- Vốn góp đầu kỳ	401.306.200.000	309.789.530.000
- Vốn góp cuối kỳ	401.306.200.000	309.789.530.000

b) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.130.620	30.978.953
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.130.620	30.978.953
- Cổ phiếu phổ thông	40.130.620	30.978.953
Số lượng cổ phiếu được mua lại	437.060	467.060
- Cổ phiếu phổ thông	437.060	467.060
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.693.560	30.511.893
- Cổ phiếu phổ thông	39.693.560	30.511.893
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	17.876.611.972	34.476.204.654
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	7.978.390.487	14.583.998.481
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	5.760.120.614	16.939.339.891
- Doanh thu hoạt động tư vấn	102.318.182	213.750.689
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	5.139.315	7.122.894
- Thu cho thuê sử dụng tài sản	-	2.727.273
- Doanh thu khác	4.030.643.374	2.729.265.426
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	17.876.611.972	34.476.204.654

19 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	912.357.747	2.191.255.892
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	3.811.089.871	16.215.012.694
Chi phí hoạt động tư vấn	-	33.534.482
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	252.762.077	89.242.855
Chi phí dự phòng	18.077.693.457	1.188.397.681
Chi phí khác	651.249.583	790.143.009
Chi phí trực tiếp chung	6.189.330.228	5.477.627.705
- Chi phí nhân viên	1.889.912.512	2.081.297.954
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	58.198.733	113.637.526
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	902.140.509	1.357.665.977
- Chi phí khác bằng tiền	3.339.078.474	1.925.026.248
	29.894.482.963	25.985.214.318

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.597.653.743	3.784.915.741
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	133.892.176	42.282.315
Chi phí khấu hao tài sản cố định	396.239.974	883.256.310
Thuế, phí và lệ phí	46.370.000	28.857.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.292.392.938	862.640.458
Chi phí khác bằng tiền	695.323.938	2.382.150.010
	6.161.872.769	7.984.101.834

21 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(18.168.007.397)	382.089.588
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.902.094.891)	(5.261.215.188)
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	(3.902.094.891)	(5.261.215.188)
Tổng thu nhập chịu thuế	(22.070.102.288)	(4.879.125.600)
Chuyển lỗ năm trước	(149.108.840.272)	(125.386.208.277)
Thu nhập tính thuế	(171.178.942.560)	(130.265.333.877)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

(*) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong thời hạn 10 năm, kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh, Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000553 ngày 05/09/2003. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo, Công ty có thu nhập chịu thuế từ năm 2005.

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(18.168.007.397)	382.089.588
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(18.168.007.397)	382.089.588
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	39.693.560	30.511.893
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(458)	13

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

24 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Người lập



Nguyễn Thị Phương Lan

Kế toán trưởng



Đặng Minh Hằng

Lập, ngày 14 tháng 07 năm 2011
Quyền Tổng Giám đốc


Vũ Dương Hiền